

KHÓ KHĂN VÀ THÁCH THỨC TRONG CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN VIỆT NAM HIỆN NAY

Trịnh Thị Hồng Thái¹, Cao Thị Hằng¹
Email: trinhhongthaiqtkd@gmail.com

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 30/09/2025

Ngày phản biện đánh giá: 30/10/2025

Ngày bài báo được duyệt đăng: 17/11/2025

DOI: 10.59266/houjs.2025.971

Tóm tắt: Chuyển đổi số đang trở thành yêu cầu tất yếu đối với doanh nghiệp tư nhân Việt Nam trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu và thay đổi hành vi tiêu dùng. Bài viết tập trung phân tích những khó khăn và thách thức trong quá trình chuyển đổi số của doanh nghiệp tư nhân Việt Nam. Trên cơ sở phương pháp nghiên cứu dựa trên phân tích tổng hợp tài liệu từ các nguồn thứ cấp, nghiên cứu nhận diện sáu nhóm rào cản chủ yếu: hạn chế về tài chính, thiếu nhân lực số, tư duy quản trị chậm đổi mới, hạ tầng công nghệ yếu, thiếu thông tin về giải pháp công nghệ và rủi ro an ninh mạng. Kết quả phân tích thực trạng cho thấy, phần lớn doanh nghiệp tư nhân Việt Nam mới ở giai đoạn đầu của quá trình số hóa, thiếu chiến lược chuyển đổi toàn diện và đầu tư chiều sâu. Từ đó tác giả đề xuất hệ thống giải pháp theo các cấp độ giúp thúc đẩy quá trình chuyển đổi số hiệu quả và bền vững cho khu vực doanh nghiệp tư nhân Việt Nam.

Từ khóa: chuyển đổi số, khó khăn, doanh nghiệp tư nhân, kinh tế, Việt Nam

I. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư lan tỏa mạnh mẽ trên toàn cầu, chuyển đổi số đã trở thành xu thế tất yếu, góp phần nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Ở Việt Nam, khu vực doanh nghiệp tư nhân đóng vai trò trụ cột của nền kinh tế, chiếm 96,4% tổng số doanh nghiệp, đóng góp khoảng 40% GDP và tạo hơn 50% việc làm trong nước

(Tổng cục Thống kê, 2023). Tuy nhiên, mặc dù nhận thức về chuyển đổi số đã được cải thiện, mức độ triển khai thực tế còn hạn chế; chỉ khoảng 25% doanh nghiệp áp dụng các giải pháp số ở mức cơ bản, trong khi số doanh nghiệp đạt mức chuyển đổi toàn diện vẫn rất thấp. Phần lớn các báo cáo hiện nay của Bộ Thông tin và Truyền thông, VCCI hay CIEM chủ yếu tập trung mô tả hiện trạng và thống kê mức độ chuyển đổi số theo ngành hoặc quy mô, mà chưa đi sâu phân tích các khó

¹ Trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh

khăn nội tại của khu vực doanh nghiệp tư nhân dưới góc độ nguồn lực, tư duy quản trị, hạ tầng công nghệ và cơ chế chính sách. Khoảng trống nghiên cứu này đặt ra nhu cầu cần có những phân tích chuyên sâu hơn về bản chất và nguyên nhân của các rào cản chuyển đổi số, cũng như mối liên hệ giữa năng lực nội sinh của doanh nghiệp và hiệu quả quá trình chuyển đổi. Bài viết hướng đến mục tiêu làm rõ những khó khăn và thách thức chủ yếu trong chuyển đổi số của doanh nghiệp tư nhân Việt Nam hiện nay, qua đó đề xuất các định hướng và giải pháp phù hợp nhằm thúc đẩy quá trình chuyển đổi số hiệu quả, thực chất và bền vững, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của khu vực kinh tế tư nhân trong giai đoạn phát triển mới.

II. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết được thực hiện trên cơ sở tiếp cận định tính, dựa trên phân tích tài liệu nhằm nhận diện và đánh giá thực trạng chuyển đổi số trong các doanh nghiệp tư nhân Việt Nam. Dữ liệu nghiên cứu được thu thập chủ yếu từ nguồn thứ cấp, bao gồm: (i) Báo cáo chuyển đổi số quốc gia của Bộ Thông tin và Truyền thông; (ii) Báo cáo thường niên kinh tế số của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; (iii) Các khảo sát của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI); (iv) Số liệu thống kê của Tổng cục Thống kê; cùng với các nghiên cứu khoa học và báo cáo chuyên đề của các tổ chức quốc tế như World Bank và UNDP.

Quy trình nghiên cứu được triển khai qua ba bước chính. Thứ nhất, thu thập và tổng hợp các nguồn tài liệu liên quan nhằm xây dựng cơ sở lý luận và khung phân tích về chuyển đổi số trong doanh nghiệp tư nhân. Thứ hai, tiến hành phân nhóm và đối chiếu so sánh dữ liệu

theo các tiêu chí: mức độ ứng dụng công nghệ số, quy mô doanh nghiệp, lĩnh vực hoạt động và năng lực nguồn lực nội tại. Việc so sánh được thực hiện giữa các nhóm doanh nghiệp và theo thời gian để xác định xu hướng, mức độ khác biệt và các rào cản điển hình. Thứ ba, tổng hợp và mô hình hóa kết quả phân tích nhằm nhận diện những khó khăn, thách thức chủ yếu, từ đó đề xuất các định hướng và giải pháp phù hợp nhằm thúc đẩy chuyển đổi số hiệu quả, bền vững trong khu vực doanh nghiệp tư nhân.

III. Nội dung

3.1. Cơ sở lý luận

Khái niệm chuyển đổi số được tiếp cận từ nhiều góc độ khác nhau. Theo Gartner - công ty tư vấn và nghiên cứu toàn cầu, chuyển đổi số là việc sử dụng các công nghệ số để thay đổi mô hình kinh doanh, qua đó tạo ra cơ hội mới, nguồn thu mới và giá trị gia tăng. Theo Microsoft lại nhấn mạnh tính toàn diện của quá trình này khi cho rằng chuyển đổi số là sự áp dụng công nghệ để cải biến hoàn toàn các quy trình, sản phẩm và dịch vụ truyền thống thành những giải pháp dựa trên dữ liệu, có khả năng kết nối cao, từ đó mở ra các mô hình kinh doanh hoàn toàn mới.

Đối với bối cảnh Việt Nam, doanh nghiệp tư nhân - theo quy định tại Điều 188, Luật Doanh nghiệp 2020 - là loại hình do một cá nhân làm chủ và chịu trách nhiệm vô hạn về mọi hoạt động. Việc triển khai chuyển đổi số trong khối doanh nghiệp này thường được hiểu là quá trình từng bước chuyển đổi sang doanh nghiệp số thông qua việc ứng dụng các công nghệ hiện đại như Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn (Big Data), điện toán đám mây (Cloud Computing) và trí tuệ nhân tạo (AI). Những công nghệ này không chỉ thay đổi

cách thức điều hành và quản trị, mà còn tác động trực tiếp đến tư duy lãnh đạo và văn hóa doanh nghiệp.

Trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0, chuyển đổi số được nhìn nhận như một quá trình tái cấu trúc toàn diện mô hình kinh doanh, phương thức quản trị và hệ thống vận hành nhằm nâng cao hiệu quả và tạo lập giá trị mới. Ba khía cạnh cơ bản của chuyển đổi số trong doanh nghiệp tư nhân: (i) chuyển đổi công nghệ - ứng dụng các giải pháp số tiên tiến như AI, IoT, Big Data, Cloud; (ii) chuyển đổi quy trình - đẩy mạnh tự động hóa và tích hợp chuỗi cung ứng số; (iii) chuyển đổi con người - nâng cao năng lực, hình thành văn hóa dữ liệu và kỹ năng số. Dựa trên khung đánh giá của Bộ Thông tin và Truyền thông (2023), doanh nghiệp có thể được phân chia thành sáu mức độ chuyển đổi số, từ Mức 0 - chưa chuyển đổi số đến Mức 5 - doanh nghiệp dẫn dắt hệ sinh thái số. Việc phân loại này là cơ sở quan trọng để xác định giai đoạn phát triển, năng lực thích ứng và mức độ trưởng thành số của từng doanh nghiệp.

Khung lý thuyết về chuyển đổi số trong doanh nghiệp được kế thừa từ các mô hình kinh điển của Gartner (2020), Westerman, Bonnet và McAfee (2014), cùng với hướng tiếp cận của Microsoft (2021). Theo đó, chuyển đổi số được cấu thành bởi ba trụ cột cơ bản gồm công nghệ, quy trình và con người, phản ánh toàn diện quá trình tái cấu trúc hoạt động doanh nghiệp dựa trên nền tảng số. Ba trụ cột này không chỉ hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ hiệu quả mà còn thúc đẩy thay đổi tư duy quản trị, văn hóa tổ chức và năng lực đổi mới. Cách tiếp cận này được điều chỉnh phù hợp với bối cảnh doanh nghiệp tư nhân Việt Nam, thể hiện

trong các báo cáo của Bộ Thông tin và Truyền thông (2023) và Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (2024).

3.2. Vai trò của chuyển đổi số đối với sự phát triển của doanh nghiệp tư nhân ở Việt Nam

Chuyển đổi số đã và đang trở thành một động lực quan trọng thúc đẩy sự phát triển bền vững của doanh nghiệp tư nhân. Trong kỷ nguyên số và hội nhập quốc tế, việc ứng dụng công nghệ số không chỉ mang lại lợi ích trước mắt mà còn tạo ra nền tảng dài hạn cho sự tăng trưởng và nâng cao năng lực cạnh tranh. Vai trò của chuyển đổi số đối với doanh nghiệp tư nhân thể hiện rõ trên nhiều khía cạnh sau:

Thứ nhất, gia tăng hiệu quả hoạt động và tối ưu chi phí. Việc ứng dụng các công nghệ số giúp doanh nghiệp tự động hóa quy trình sản xuất, quản lý và vận hành. Chẳng hạn, thông qua tự động hóa quy trình, ứng dụng AI, IoT và điện toán đám mây, giúp giảm 20-40% chi phí vận hành và đầu tư hạ tầng.

Thứ hai, nâng cao trải nghiệm khách hàng. Khách hàng hiện nay mong muốn được phục vụ nhanh chóng, chính xác và cá nhân hóa cao. Các công cụ như chatbot AI, hệ thống quản lý quan hệ khách hàng (CRM), phân tích dữ liệu hành vi giúp doanh nghiệp tư nhân cung cấp dịch vụ phù hợp từng nhóm khách hàng, nâng cao sự hài lòng và lòng trung thành.

Thứ ba, mở rộng thị trường và nâng cao năng lực cạnh tranh. Thương mại điện tử và các giải pháp logistics số đã mở ra cơ hội cho doanh nghiệp tư nhân tiếp cận thị trường khu vực và toàn cầu với chi phí thấp hơn nhiều so với cách thức truyền thống. Giá trị giao dịch thương mại điện tử của Việt Nam dự kiến đạt 43 tỷ USD vào năm 2025 (so với 30 tỷ USD năm 2023),

tăng trưởng bình quân 20%/năm, cho thấy lợi thế rõ rệt của các doanh nghiệp ứng dụng chuyển đổi số.

Thứ tư, nâng cao chất lượng quản trị và ra quyết định dựa trên dữ liệu. Dữ liệu lớn (Big Data) và các công cụ phân tích hiện đại giúp doanh nghiệp nắm bắt thông tin về hành vi khách hàng, xu hướng thị trường và hiệu quả hoạt động sản xuất. Nhờ đó, các nhà quản trị có thể đưa ra quyết định kịp thời, chính xác, giảm thiểu rủi ro và tối ưu chiến lược kinh doanh.

Thứ năm, thúc đẩy liên kết nội bộ và hiệu quả điều hành. Nền tảng số cho phép kết nối tức thời giữa các phòng ban, bộ phận trong doanh nghiệp, giúp dòng thông tin minh bạch, chính xác và liên tục. Nhờ vậy, lãnh đạo có thể theo dõi, kiểm soát và điều hành hoạt động một cách kịp thời, giúp doanh nghiệp tư nhân nâng cao hiệu quả phối hợp.

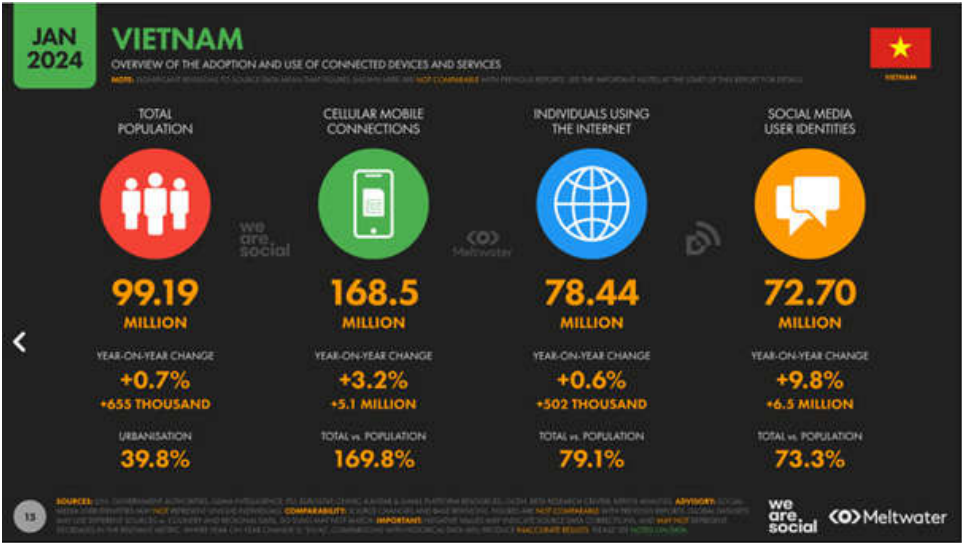
Thứ sáu, nâng cao năng suất lao động và phát triển nguồn nhân lực. Môi trường làm việc số hóa khuyến khích nhân sự chủ động tiếp cận công nghệ mới, hình thành văn hóa học tập liên tục, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho doanh nghiệp tư nhân.

Thứ bảy, củng cố khả năng thích ứng và phát triển bền vững. Thực tiễn trong đại dịch Covid-19 cho thấy doanh nghiệp có nền tảng số hóa duy trì hoạt động tốt hơn, thích ứng nhanh với biến động và hình thành lợi thế cạnh tranh dài hạn. Do đó, chuyển đổi số không chỉ là xu hướng mà là yếu tố sống còn quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp tư nhân trong nền kinh tế số.

3.3. Thực trạng chuyển đổi số trong doanh nghiệp tư nhân Việt Nam hiện nay

Hiện nay, chuyển đổi số trong doanh nghiệp tư nhân Việt Nam đang diễn ra với tốc độ nhanh chóng nhưng không đồng đều giữa các lĩnh vực. Để trở thành “một động lực quan trọng nhất” của nền kinh tế Việt Nam vào năm 2030 theo tinh thần Nghị quyết 68-NQ/TW của Bộ Chính trị, khu vực kinh tế tư nhân cần có bước phát triển đột phá. Khu vực kinh tế tư nhân có hơn 940.000 doanh nghiệp và trên 5 triệu hộ kinh doanh cá thể, đóng góp khoảng 50% GDP, hơn 30% tổng thu ngân sách nhà nước và sử dụng khoảng 82% lực lượng lao động cả nước. Trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0, cùng với tác động của đại dịch Covid-19 và sự thay đổi hành vi tiêu dùng, chuyển đổi số không còn là xu thế lựa chọn mà trở thành yếu tố mang tính sống còn đối với sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Nếu như cách đây 5-7 năm, chuyển đổi số vẫn là khái niệm mơ hồ thì nay đã trở thành yêu cầu tất yếu, gắn liền với chiến lược kinh doanh của phần lớn doanh nghiệp tư nhân.

Theo We Are Social (2024), Việt Nam có 78,44 triệu người dùng Internet (79,1% dân số), 72,7 triệu người dùng mạng xã hội (73,3%) và 168,5 triệu thuê bao di động, tương đương 169,8% dân số. Nền tảng hạ tầng số phát triển mạnh này tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tư nhân mở rộng kênh tiếp cận khách hàng, phát triển thương mại điện tử và triển khai các mô hình kinh doanh dựa trên dữ liệu. Báo cáo của Google & Temasek (SEA, 2023) dự báo quy mô nền kinh tế số Việt Nam có thể đạt 45 tỷ USD vào năm 2025, phản ánh tiềm năng lớn cho chuyển đổi số doanh nghiệp.



Hình 1. Tổng quan xu hướng sử dụng Internet của người dùng Việt Nam 2024

(Nguồn: We Are Social 2024)

Kết quả khảo sát của VCCI trên 400 doanh nghiệp (2023) cho thấy 98% doanh nghiệp tin rằng chuyển đổi số sẽ tạo ra thay đổi quan trọng, trong đó 71% kỳ vọng giảm chi phí, 61,4% mong đợi giảm thủ tục giấy tờ và 45,3% kỳ vọng nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ. Tuy nhiên, thực tiễn triển khai cho thấy doanh nghiệp tư nhân vẫn đối mặt với nhiều rào cản, bao gồm hạn chế về vốn đầu tư, thiếu nhân lực công nghệ thông tin chất lượng cao, hạ tầng kỹ thuật chưa đồng bộ và đặc biệt là chưa xây dựng chiến lược số hóa toàn diện.

Trong thực tiễn, khu vực doanh nghiệp tư nhân đã có bước tiến đáng kể trong ứng dụng công nghệ số, song mức độ vẫn chưa đồng đều giữa các lĩnh vực (bảng 1).

Tổng thể cho thấy, doanh nghiệp tư nhân Việt Nam đã có nhận thức và nỗ lực rõ rệt trong chuyển đổi số, nhưng vẫn chủ yếu ở giai đoạn đầu, thiếu đầu tư chiều sâu về công nghệ, dữ liệu và nhân lực - những yếu tố quyết định cho năng lực cạnh tranh bền vững trong kỷ nguyên kinh tế số.

Bảng 1. Bảng so sánh thực trạng chuyển đổi số một số lĩnh vực của doanh nghiệp tư nhân Việt Nam

Lĩnh vực	Năm	Mức độ áp dụng	Điểm mạnh	Hạn chế chính
Thương mại điện tử	2024	Doanh thu B2C đạt 36 tỷ USD (2024), tăng 20% so với 2023	Tăng trưởng nhanh, tiếp cận khách hàng rộng nhờ nền tảng thương mại điện tử	Chưa có chiến lược số hóa toàn diện, phụ thuộc nền tảng sẵn có
Sản xuất & Tự động hóa	2024	52% doanh nghiệp sản xuất áp dụng ít nhất 1 giải pháp tự động hóa	Bước đầu giảm phụ thuộc lao động thủ công, tăng năng suất	Mức độ thấp, ít triển khai IoT, AI, predictive maintenance
Quản trị doanh nghiệp	2023	63% doanh nghiệp sản xuất vừa & lớn đã triển khai SCM; phổ biến ERP, CRM, HRM	Quản trị chuỗi cung ứng và nội bộ hiệu quả hơn	Thiếu ứng dụng Big Data, AI cho phân tích chiến lược

Lĩnh vực	Năm	Mức độ áp dụng	Điểm mạnh	Hạn chế chính
Logistics & Chuỗi cung ứng	2023	90,5% doanh nghiệp ở mức số hóa 1-2, chỉ 0,4% đạt mức cao nhất	Một số đơn vị tiên phong triển khai WMS, TMS	Thiếu vốn, công nghệ lỗi, nhân lực; phần lớn dừng ở kết nối dữ liệu cơ bản

(Nguồn: Tác giả tổng hợp)

So sánh quốc tế cho thấy, mức độ chuyển đổi số của doanh nghiệp tư nhân Việt Nam mới đạt giai đoạn đầu theo “Digital Transformation Maturity Model” của Gartner (2020), trong khi các doanh nghiệp ở Singapore hay Hàn Quốc đã đạt mức tích hợp cao hơn, nhất là trong ứng dụng dữ liệu lớn và tự động hóa thông minh. Điều này phản ánh khoảng cách công nghệ và năng lực số giữa doanh nghiệp Việt Nam và các nền kinh tế tiên tiến trong khu vực.

Nhìn chung, chuyển đổi số trong doanh nghiệp tư nhân Việt Nam đã có những tiến bộ nhất định nhưng chưa mang tính đột phá. Mức độ ứng dụng vẫn phân tán, chủ yếu tập trung vào số hóa các hoạt động cơ bản, chưa gắn với tái cấu trúc mô hình kinh doanh. Thực trạng này cho thấy bên cạnh những cơ hội mở rộng thị

trường và nâng cao năng lực cạnh tranh, doanh nghiệp tư nhân vẫn cần vượt qua các thách thức về vốn, nhân lực, hạ tầng và nhận thức quản trị. Do đó, cần có sự hỗ trợ đồng bộ về chính sách, tài chính và đào tạo từ phía Nhà nước nhằm thúc đẩy quá trình chuyển đổi số, hướng tới mục tiêu phát triển khu vực tư nhân trở thành động lực chủ đạo của nền kinh tế vào năm 2030.

3.4. Một số khó khăn và thách thức trong chuyển đổi số của doanh nghiệp tư nhân Việt Nam hiện nay

Mặc dù đạt được một số kết quả bước đầu, các doanh nghiệp tư nhân Việt Nam vẫn đối mặt với nhiều rào cản trên cả ba trụ cột công nghệ, quy trình và con người. Từ tổng hợp dữ liệu của Bộ TT&TT (2023), VCCI (2024) và CIEM (2024), có thể khái quát sáu nhóm khó khăn chính như sau:

Bảng 2. Một số khó khăn và thách thức trong chuyển đổi số của doanh nghiệp tư nhân Việt Nam hiện nay

Nhóm khó khăn	Nguyên nhân chủ yếu	Tác động đến doanh nghiệp
Hạn chế tài chính	Doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ chiếm 90%, vốn dưới 10 tỷ đồng, chi phí đầu tư công nghệ cao	Triển khai rời rạc, thiếu đồng bộ; khó duy trì hệ thống dài hạn
Thiếu nhân lực số	Thiếu chuyên gia IT/AI, kỹ năng số thấp, e ngại thay đổi	Giảm hiệu quả vận hành, thất bại khi triển khai hoặc đo lường KPI
Nhận thức và tư duy quản trị chưa đổi mới	Lãnh đạo coi chuyển đổi số là vấn đề kỹ thuật, không gắn với chiến lược kinh doanh	Mất định hướng, thiếu mục tiêu dài hạn, đầu tư không hiệu quả
Hạ tầng công nghệ yếu	Kết nối Internet không ổn định, thiếu dữ liệu và hệ thống bảo mật	Giới hạn ứng dụng IoT, Cloud, AI; tăng rủi ro gián đoạn hệ thống
Thiếu thông tin về giải pháp công nghệ	Thị trường công nghệ phân mảnh, thiếu tiêu chuẩn đánh giá	Chọn sai giải pháp, lãng phí chi phí đầu tư
Rủi ro an ninh mạng và dữ liệu	Thiếu chính sách bảo mật, nhân lực an toàn thông tin	Mất dữ liệu, gián đoạn hoạt động, giảm niềm tin với khách hàng

(Nguồn: Tác giả tổng hợp)

Bảng trên cho thấy các doanh nghiệp tư nhân Việt Nam đang đối mặt với sáu nhóm khó khăn chủ yếu trong quá trình chuyển đổi số, phản ánh những hạn chế mang tính hệ thống về nguồn lực, năng lực và môi trường công nghệ. Trước hết, hạn chế tài chính là rào cản lớn nhất khi phần lớn doanh nghiệp có quy mô nhỏ, vốn đầu tư hạn chế, khiến việc triển khai công nghệ số diễn ra rời rạc và thiếu tính bền vững. Tiếp theo, thiếu nhân lực số và tư duy quản trị chậm đổi mới làm giảm hiệu quả vận hành, khiến chuyển đổi số không gắn kết với chiến lược dài hạn. Bên cạnh đó, hạ tầng công nghệ yếu và thiếu thông tin về giải pháp phù hợp dẫn đến việc lựa chọn công nghệ thiếu chính xác, gia tăng chi phí và rủi ro đầu tư. Cuối cùng, rủi ro an ninh mạng và dữ liệu ngày càng gia tăng do thiếu chính sách bảo mật và nhân lực chuyên trách, ảnh hưởng đến niềm tin và tính ổn định hoạt động của doanh nghiệp trong môi trường số.

Ngoài ra, chính sách hỗ trợ và hệ sinh thái công nghệ trong nước còn hạn chế. Các chương trình hỗ trợ hiện chủ yếu mang tính định hướng chung, chưa phù hợp với đặc thù của doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ. Hệ sinh thái công nghệ còn phân tán, thiếu liên kết giữa doanh nghiệp - viện nghiên cứu - công ty công nghệ, khiến khu vực tư nhân thiếu điểm tựa chiến lược trong tiến trình chuyển đổi số.

3.5. Giải pháp thúc đẩy chuyển đổi số trong các doanh nghiệp tư nhân Việt Nam hiện nay

Nhóm giải pháp với các Cơ quan quản lý nhà nước

- Cần hoàn thiện khung pháp lý và chính sách quản lý nhà nước nhằm tạo nền tảng cho quá trình chuyển đổi số. Bên cạnh đó, Nhà nước cần xây dựng hệ thống

tiêu chuẩn kỹ thuật và hướng dẫn đánh giá mức độ chuyển đổi số của doanh nghiệp, giúp định hướng và đo lường hiệu quả thực thi chính sách ở cấp vi mô.

- Cơ chế tài chính và chính sách hỗ trợ cần được thiết kế theo hướng linh hoạt và có mục tiêu. Đồng thời, các chính sách tài khóa và tín dụng cần gắn với kết quả đầu ra như năng suất, chỉ số đổi mới hoặc năng lực quản trị số, nhằm khuyến khích doanh nghiệp sử dụng nguồn vốn hiệu quả và có trách nhiệm.

- Phát triển hạ tầng số quốc gia là yếu tố then chốt bảo đảm cho quá trình chuyển đổi số diễn ra đồng bộ và bền vững. Cùng với đó cần xây dựng hệ thống trung tâm dữ liệu quốc gia, nền tảng điện toán đám mây và các dịch vụ số dùng chung, giúp doanh nghiệp tư nhân dễ dàng tiếp cận và khai thác dữ liệu.

Nhóm giải pháp với các doanh nghiệp

- Cần đổi mới tư duy quản trị là yếu tố quyết định thành công trong chuyển đổi số của doanh nghiệp tư nhân. Chủ doanh nghiệp và đội ngũ lãnh đạo cần nhìn nhận chuyển đổi số không chỉ là đầu tư công nghệ, mà là quá trình tái cấu trúc toàn diện mô hình hoạt động.

- Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực và năng lực số nội bộ là yêu cầu trọng tâm. Doanh nghiệp cần xây dựng lộ trình đào tạo lại và nâng cao kỹ năng cho người lao động, đặc biệt trong các lĩnh vực như quản trị dữ liệu, an toàn thông tin và phân tích kinh doanh. Sự phối hợp giữa doanh nghiệp và cơ sở đào tạo giúp điều chỉnh chương trình học theo nhu cầu thực tiễn, tăng tính ứng dụng và hiệu quả đầu ra.

- Tăng cường bảo mật thông tin và quản trị dữ liệu là điều kiện tiên quyết để duy trì niềm tin và ổn định hoạt động số. Doanh nghiệp cần thiết lập cơ chế bảo mật

nội bộ, quy trình sao lưu và phục hồi dữ liệu định kỳ, đồng thời đầu tư vào các giải pháp giám sát an ninh mạng, mã hóa dữ liệu và quản lý phân quyền truy cập. Điều đó sẽ giúp doanh nghiệp giảm thiểu rủi ro và đảm bảo tính toàn vẹn của hệ thống.

Nhóm giải pháp với các cấp trung gian

- Sớm phát triển hệ sinh thái hỗ trợ chuyển đổi số toàn diện, trong đó Nhà nước, hiệp hội ngành nghề, doanh nghiệp công nghệ và viện nghiên cứu đóng vai trò kết nối. Việc hình thành các nền tảng công nghệ dùng chung theo mô hình “as-a-service” (SaaS, PaaS) giúp doanh nghiệp tư nhân tiếp cận công nghệ hiện đại với chi phí thấp, đồng thời tạo môi trường hợp tác và chia sẻ dữ liệu hiệu quả.

- Tăng cường vai trò của các tổ chức trung gian tư vấn và chuyển giao công nghệ nhằm hỗ trợ doanh nghiệp triển khai chuyển đổi số hiệu quả hơn. Các trung tâm tư vấn cần cung cấp dịch vụ đánh giá năng lực số, thiết kế lộ trình chuyển đổi phù hợp với đặc thù ngành và quy mô doanh nghiệp. Ngoài ra, cần khuyến khích mô hình tư vấn độc lập và hợp tác công - tư trong việc triển khai dự án thí điểm, từ đó nhân rộng các điển hình thành công trong từng lĩnh vực cụ thể.

- Thúc đẩy liên kết ba bên giữa Nhà nước - doanh nghiệp - cơ sở đào tạo để bảo đảm tính đồng bộ và lan tỏa của quá trình chuyển đổi số. Sự phối hợp này không chỉ giúp nâng cao năng lực nghiên cứu - phát triển (R&D) mà còn tạo điều kiện cho việc đào tạo thực hành, chia sẻ dữ liệu và thử nghiệm công nghệ mới.

IV. Kết luận

Chuyển đổi số hiện nay là xu thế tất yếu và là động lực then chốt cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp tư nhân

Việt Nam. Tuy đã đạt được một số tiến bộ, song quá trình này vẫn đối mặt với nhiều rào cản về vốn, nhân lực, hạ tầng và tư duy quản trị. Để tận dụng cơ hội từ kinh tế số, cần có sự phối hợp đồng bộ giữa Nhà nước, doanh nghiệp và các tổ chức trung gian trong việc hoàn thiện chính sách, phát triển nguồn lực số và xây dựng hệ sinh thái công nghệ hỗ trợ, qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh và đóng góp tích cực vào tăng trưởng kinh tế quốc gia.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Ban Chấp hành Trung ương. (2025). *Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 4/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân*.
- [2]. Bộ Kế hoạch và Đầu tư. (2022). *Báo cáo thường niên kinh tế số Việt Nam 2022*. Hà Nội: Nhà xuất bản Thống kê.
- [3]. Bộ Thông tin và Truyền thông. (2020). *Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*. Hà Nội.
- [4]. Bộ Thông tin và Truyền thông. (2023). *Báo cáo đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp Việt Nam 2023*. Hà Nội.
- [5]. CIEM - Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương. (2023). *Báo cáo nghiên cứu về chuyển đổi số trong doanh nghiệp tư nhân Việt Nam*. Hà Nội.
- [6]. Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số. (2023). *Báo cáo thương mại điện tử Việt Nam 2023*. Hà Nội.
- [7]. Gartner. (2020). *Digital business transformation: Defining the framework*. Gartner Research.
- [8]. Google & Temasek. (2023). *e-Conomy SEA 2023 report*. https://www.thinkwithgoogle.com/_qs/documents/18380/e_conomy_sea_2023_report.pdf
- [9]. Hiệp hội An toàn Thông tin Việt Nam. (2023). *Báo cáo an toàn thông tin Việt Nam 2023*. Hà Nội.

- [10]. Microsoft. (2021). *The digital transformation playbook: From process to ecosystem*. Microsoft Research Whitepaper.
- [11]. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI). (2023). *Khảo sát thực trạng chuyển đổi số trong doanh nghiệp Việt Nam 2023*. Hà Nội.
- [12]. Tổng cục Thống kê. (2023). *Niên giám thống kê Việt Nam 2023*. Hà Nội: Nhà xuất bản Thống kê.
- [13]. We Are Social. (2024). *Digital 2024: Vietnam report*.
- [14]. Westerman, G., Bonnet, D., & McAfee, A. (2014). *Leading digital: Turning technology into business transformation*. Harvard Business Review Press.

DIFFICULTIES AND CHALLENGES IN THE DIGITAL TRANSFORMATION OF VIETNAMESE PRIVATE ENTERPRISES TODAY

Trinh Thi Hong Thai¹, Cao Thi Hang¹

Abstract: *Digital transformation has become an inevitable requirement for Vietnamese private enterprises amid global competition and changing consumer behavior. This paper analyzes the key difficulties and challenges faced by private enterprises in the digital transformation process. Based on a qualitative research approach using secondary data synthesis and analysis, the study identifies six major barriers: financial constraints, shortage of digital human resources, slow managerial mindset transformation, weak technological infrastructure, lack of information on digital solutions, and cybersecurity risks. The analysis reveals that most Vietnamese private enterprises remain in the early stages of digitalization, lacking comprehensive strategies and in-depth investment. Accordingly, the author proposes a multi-level system of solutions to promote effective and sustainable digital transformation for Vietnam's private business sector.*

Keywords: *digital transformation, difficulties, private enterprises, economy, Vietnam*

¹ University of Finance and Business Administration